

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

CHÍNH THỨC

22-10-2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

GIỮA NIÊN ĐỘ

TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 30/9/2009

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009***MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		4.143.509.745.838	3.187.605.013.312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	217.638.372.110	338.653.634.582
1. Tiền	111		216.218.372.110	132.976.253.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.420.000.000	205.677.381.325
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.912.401.169.592	374.002.285.692
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.992.795.151.992	496.998.072.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(80.393.982.400)	(122.995.786.378)
III. Các khoản phải thu	130		734.645.566.240	646.384.971.761
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	551.206.553.828	530.148.996.144
2. Trả trước cho người bán	132		140.079.955.017	75.460.561.209
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	43.645.256.243	40.922.794.538
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(286.198.848)	(147.380.130)
IV. Hàng tồn kho	140		960.643.306.903	1.775.341.893.286
1. Hàng tồn kho	141	V.7	975.042.592.541	1.789.645.993.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(14.399.285.638)	(14.304.099.823)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		318.181.330.993	53.222.227.991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	59.176.609.093	31.459.932.494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.340.776.075	19.195.984.660
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	226.000.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.663.945.825	2.566.310.837

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		3.347.780.530.488	2.779.353.212.965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.963.348.920	474.494.723
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		2.963.348.920	474.494.723
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.157.235.907.695	1.936.922.488.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.784.963.154.669	1.529.186.585.828
- Nguyên giá	222		3.029.780.671.442	2.618.637.470.902
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.244.817.516.773)	(1.089.450.885.074)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	42.861.421.054	50.868.169.138
- Nguyên giá	228		82.339.659.797	79.416.077.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(39.478.238.743)	(28.547.908.179)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	329.411.331.972	356.867.733.457
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	27.489.150.000	27.489.150.000
- Nguyên giá	241		27.489.150.000	27.489.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		896.884.704.749	570.657.269.351
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	23.701.955.551	23.701.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	947.913.553.440	546.955.313.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	(74.730.804.242)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		263.207.419.124	243.809.810.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	193.105.869.957	195.512.328.998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		69.071.303.927	47.275.236.230
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.030.245.240	1.022.245.240
VI. Lợi thế thương mại			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		7.491.290.276.326	5.966.958.226.276

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009**Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		1.345.625.880.909	1.154.432.061.176
I. Nợ ngắn hạn	310		1.102.319.226.826	972.502.442.356
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	79.669.980.840	188.221.936.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	396.668.929.167	492.556.006.179
3. Người mua trả tiền trước	313		21.428.683.393	5.916.899.180
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	303.719.222.093	64.187.551.830
5. Phải trả người lao động	315		50.008.122.595	3.103.387.460
6. Chi phí phải trả	316	V.22	190.251.074.966	144.052.341.695
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	60.573.213.772	74.464.320.012
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		243.306.654.083	181.929.618.820
1. Phải trả dài hạn người bán	331		100.650.593.926	93.612.316.987
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	30.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	14.945.154.000	22.417.731.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		35.710.906.157	35.899.570.833
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.25	6.094.491.190.179	4.761.912.645.765
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.915.755.514.255	4.665.714.594.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.512.653.000.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(154.222.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.659.243.270.291	869.697.027.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		187.493.124.438	175.275.670.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		556.520.341.526	803.037.145.827
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		178.735.675.924	96.198.051.139
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		178.735.675.924	96.198.051.139
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		51.173.205.238	50.613.519.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		7.491.290.276.326	5.966.958.226.276

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VND

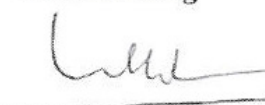
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		273.939.544	236.130.220
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		1.698.514,91	1.896.238,64
EUR		491,90	3.843,23
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm



Lập ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý III năm 2009**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.054.391.634.983	2.170.276.771.696	7.892.197.999.128	6.088.696.004.574
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	(56.738.499.992)	(55.588.368.801)	(150.717.960.040)	(131.963.591.646)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10	VI.1	2.997.653.134.991	2.114.688.402.895	7.741.480.039.088	5.956.732.412.928
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(1.857.004.037.333)	(1.424.576.010.953)	(4.924.996.649.750)	(4.017.485.316.153)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		1.140.649.097.658	690.112.391.942	2.816.483.389.338	1.939.247.096.775
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	77.090.508.805	37.126.155.262	326.287.102.186	216.877.079.371
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.726.685.385	(23.145.302.309)	(132.723.810.499)	(176.092.228.599)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(333.524.075.714)	(291.822.521.333)	(862.310.590.945)	(722.783.393.000)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(72.454.545.000)	(58.082.348.576)	(201.872.804.066)	(176.886.649.056)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + (24+25)}	30		839.487.671.134	354.188.374.986	1.945.863.286.014	1.080.361.905.491
11. Thu nhập khác	31	VI.5	30.707.099.740	32.393.509.718	83.271.997.743	97.077.245.057

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

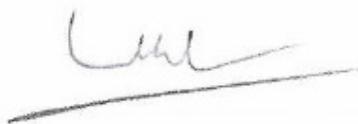
12. Chi phí khác	32	VI.6	(3.159.713.799)	(1.266.310.867)	(9.623.458.680)	(5.094.582.384)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		27.547.385.941	31.127.198.851	73.648.539.063	91.982.662.673
14. Phần lỗ trong liên doanh			-	(13.393.000.000)	-	(48.351.427.463)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		867.035.057.075	371.922.573.837	2.019.511.825.077	1.123.993.140.701
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(135.211.685.245)	(43.443.714.047)	(265.378.054.807)	(125.975.241.586)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.524.406.920)	8.743.930.576	21.796.067.697	18.516.566.382
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		730.298.964.910	337.222.790.366	1.775.929.837.967	1.016.534.465.497
<i>Phân bổ cho :</i>						
<i>Cổ đông thiểu số</i>			(337.045.983)	2.128.686.811	559.685.902	(5.004.219.121)
<i>Cổ đông của Công ty</i>			730.636.010.893	335.094.103.555	1.775.370.152.065	1.021.538.684.618
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	4.165	1.912	10.120	5.828

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm



Ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)**Quý III năm 2009*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2.019.511.825.077	1.123.993.140.701
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11,12	170.897.997.705	127.342.361.221
- Các khoản dự phòng	3		32.559.118.050	110.626.957.981
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		31.584.743.775	(4.580.430.800)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(231.206.200.027)	(17.820.620.639)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	3.268.624.208	23.676.643.708
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		2.026.616.108.788	1.363.238.052.172
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(108.436.426.228)	78.579.254.215
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		808.088.518.678	25.860.851.761
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		95.281.689.198	(250.365.047.237)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(25.310.217.558)	(50.321.287.429)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.989.158.036)	(23.130.898.917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.10,20	(285.139.839.860)	(101.861.076.253)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.089.938.078	53.496.112.935
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(94.158.591.285)	(99.432.230.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.426.042.021.775	996.063.730.919
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(370.791.503.632)	(249.947.675.362)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.874.392.071	3.956.392.515
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.191.352.500.000)	(89.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		284.374.008.788	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(103.005.162.475)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.267.250.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		50.058.852.624	56.843.136.219
8. Khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con			-	20.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.086.569.500.149)	(378.233.309.103)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

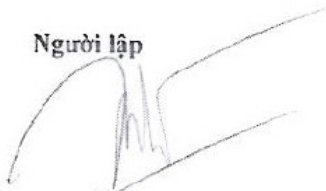
Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.646.400.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	(154.222.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	73.002.544.840	186.401.500.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185.731.077.000)	(7.472.577.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(351.280.620.000)	(347.709.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(460.516.974.160)	(168.780.657.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(121.044.452.534)	449.049.764.816
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	338.653.634.582	117.818.399.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61	29.190.062	57.298.208
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	217.638.372.110	566.925.462.241

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm



Lập ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 21/12/2007 : Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Chiến Thắng được thành lập theo Giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh số 3203001769 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Đà Nẵng cấp phép.

Tại thời điểm 30/9/2009,

+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

Các chi nhánh:

1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy – TP Hà Nội

2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nối dài – Phường Hải Châu 2 -Quận Hải Châu -TP Đà Nẵng .

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12,TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
- 9/ Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.

Phòng khám:

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

Công ty con:

+ Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn

- Địa chỉ: KCN Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55%

+ Công ty Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

Công ty con: (gián tiếp thông qua Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế)

+ Công ty Cổ phần BĐS Chiến Thắng – Việt Nam

- Địa chỉ: 95 Lê Lợi, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 64,25%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 64,25%

Công ty liên kết:

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 20 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Trang trại mẫu Campina tại Lâm Đồng

- Địa chỉ trụ sở chính:
Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam
184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TPHCM
Tỷ lệ phần sở hữu: 25 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

+ Căn hộ Horizon

- Địa chỉ trụ sở chính:
Công ty địa ốc FICO
Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM
Tỷ lệ phần sở hữu: 24,5 %
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,5%

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt.
- n. Dịch vụ sau thu hoạch
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán quý 3 bắt đầu từ ngày 01/7 và kết thúc vào ngày 30/9.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- + Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006.
- + Tập đoàn soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.
- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- + Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- + Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

+ Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

+ Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

- Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:

- Cuối quý: Để hạn chế việc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do sự chênh lệch tỷ giá, Tập đoàn đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán (tại báo cáo quý 1/2009 Tập đoàn đánh giá lại theo tỷ giá do Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam công bố). Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được ghi nhận vào chi phí tài chính hay doanh thu tài chính.

+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2008: 16.977 VNĐ/USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng)

30/09/2009: 16.991 VNĐ/USD (theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- + Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập Đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển đàn bò được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao

+ TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

- + TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Giá súc	6

+ Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

+ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn không áp dụng trích khấu hao. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Bất động sản đầu tư

- + Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

+ Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

+ Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước.
 - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
 - Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
 - Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- + Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- + Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn chủ sở hữu), phần còn lại ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

+ Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

+ Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

+ Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán theo thực tế phát sinh
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm: chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lãi hoặc lỗ trong một kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

- Chi phí thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.
 - Chi phí thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với thu nhập theo kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa thuế và kế toán.
 - + Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.
 - + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
 - + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
 - + Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy và Công ty.

14. Hợp nhất báo cáo

Công ty con

- + Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt nhất kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- + Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.

+ Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Công ty liên kết

+ Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

+ Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

+ Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	664.019.251	647.909.279
- Tiền gửi ngân hàng	209.631.181.124	130.543.561.635
- Tiền đang chuyển	5.923.171.735	1.784.782.343
- Các khoản tương đương tiền	1.420.000.000	205.677.381.325
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	1.420.000.000	205.677.381.325
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>217.638.372.110</u>	<u>338.653.634.582</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	176.126.451.992	182.633.322.070
• Cổ phiếu	172.886.451.992	180.228.322.070
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	3.240.000.000	2.405.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	1.816.668.700.000	314.364.750.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	1.816.668.700.000	106.396.500.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	207.968.250.000
Cộng	<u>1.992.795.151.992</u>	<u>496.998.072.070</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(80.393.982.400)	(122.995.786.378)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>(80.393.982.400)</u>	<u>(122.995.786.378)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	386.353.376.273	374.571.347.555
- Khách hàng nước ngoài	164.853.177.555	155.577.648.589
Cộng	<u>551.206.553.828</u>	<u>530.148.996.144</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	48.215.012	-
- Lãi tiền gửi phải thu	23.096.844.918	9.694.728.839
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	1.029.102.723	10.708.531.889

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế NK còn được hoàn	7.166.496.307	11.904.998.960
- NH TMCP Bảo Việt	-	3.200.000.000
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	6.687.684.251	741.940.306
- Phải thu khác	5.616.913.032	4.672.594.544
Cộng	<u>43.645.256.243</u>	<u>40.922.794.538</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(254.324.903)	(120.504.562)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(102.694.933)	(107.673.844)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(69.516.501)	(12.830.718)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(82.113.469)	-
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(31.873.945)	(26.875.568)
Cộng	<u>(286.198.848)</u>	<u>(147.380.130)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	70.745.390.617	219.523.626.450
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	570.264.398.493	1.231.150.285.523
- Công cụ, dụng cụ	2.852.901.765	5.756.414.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.078.532.833	104.992.369.719
- Thành phẩm	214.304.780.761	217.382.773.314
- Hàng hóa	5.796.588.072	10.709.679.756
- Hàng gửi đi bán	-	130.843.905
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng	<u>975.042.592.541</u>	<u>1.789.645.993.109</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(12.426.611.105)	(9.489.021.039)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.907.304.071)	(3.728.140.954)
- Thành phẩm	(3.622.726)	(901.295.089)
- Hàng hóa	(61.747.736)	(185.642.741)
Cộng	<u>(14.399.285.638)</u>	<u>(14.304.099.823)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.641.491.395	13.924.833.348	9.627.994.676	-	5.938.330.067
- Chi phí quảng cáo	7.873.032.531	26.853.683.768	22.160.000.274	-	12.566.716.025
- Chi phí tư vấn pháp lý	-	1.315.358.075	1.015.633.738	-	299.724.337
- Chi phí tu động, tu mát	8.493.035.020	3.514.613.086	9.521.565.819	-	2.486.082.287
- Chi phí thuê đất, nhà xưởng, VP, ụ kệ	5.990.898.361	16.702.713.348	13.771.576.961	-	8.922.034.748
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.176.287.208	7.988.019.462	8.148.412.371	116.461.047	1.899.433.252
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	1.876.705.301	10.461.416.042	4.786.538.410	1.481.411.158	6.070.171.775
- Chi phí khác	3.408.482.678	51.974.637.602	34.389.003.678	-	20.994.116.602
Cộng	<u>31.459.932.494</u>	<u>132.735.274.731</u>	<u>103.420.725.927</u>	<u>1.597.872.205</u>	<u>59.176.609.093</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.000.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
- Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
Cộng	<u>226.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	505.156.749.582	1.747.393.087.622	255.102.811.776	89.538.467.259	21.446.354.663	2.618.637.470.902
Mua trong kỳ	2.668.873.545	18.826.682.914	21.374.798.319	10.648.572.475	-	53.518.927.253
Đầu tư XDCB hoàn thành	30.153.046.076	254.105.099.742	69.066.912.612	7.736.814.244	-	361.061.872.674
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	6.479.362.081	6.479.362.081
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	1.677.799.940	(1.660.111.940)	-	(17.688.000)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	136.677.965	598.998.083	5.443.400.064	848.819.995	2.889.065.361	9.916.961.468
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 30/9/2009	539.519.791.178	2.018.065.760.255	340.101.122.643	107.057.345.983	25.036.651.383	3.029.780.671.442
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	138.864.010.638	792.233.175.740	93.495.930.439	59.381.422.940	5.476.345.317	1.089.450.885.074
Khấu hao trong kỳ	18.822.307.014	105.481.290.372	19.261.258.789	13.433.416.136	2.969.394.830	159.967.667.141
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	97.871.662	(97.871.662)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	52.677.966	598.998.083	2.350.353.093	848.819.995	750.186.305	4.601.035.442
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 30/9/2009	157.731.511.348	897.017.596.367	110.406.836.135	71.966.019.081	7.695.553.842	1.244.817.516.773
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	366.292.738.944	955.159.911.882	161.606.881.337	30.157.044.319	15.970.009.346	1.529.186.585.828
Tại ngày cuối kỳ	381.788.279.830	1.121.048.163.888	229.694.286.508	35.091.326.902	17.341.097.541	1.784.963.154.669

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	35.750.347.200	-	-	43.665.730.117	79.416.077.317
Mua trong kỳ	-	-	-	2.923.582.480	2.923.582.480
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 30/9/2009	35.750.347.200	-	-	46.589.312.597	82.339.659.797
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	11.608.069.186	-	-	16.939.838.993	28.547.908.179
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	10.930.330.564	10.930.330.564
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 30/9/2009	11.608.069.186	-	-	27.870.169.557	39.478.238.743
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại ngày đầu năm	24.142.278.014	-	-	26.725.891.124	50.868.169.138
Tại ngày cuối kỳ	24.142.278.014	-	-	18.719.143.040	42.861.421.054

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Số dư đầu kỳ	356.867.733.457	598.307.343.777
Tăng trong kỳ	335.241.861.025	250.603.261.529
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	361.061.872.674	488.949.961.110
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	16.440.727.475
Chuyển sang HTK	1.636.389.836	-
Thanh lý	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	329.411.331.972	343.519.916.721

Trong đó có các công trình lớn là:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Hệ thống ERP II	-	12.882.871.495
MMTB cho trại bò Nghệ An	-	17.312.651.752
Lắp máy rót nước trái cây FFS ASEPACK 32/8	42.371.366.680	-
Dây chuyền máy rót A 3 Flex TPA 330	41.145.249.781	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Dây chuyền cà phê hòa tan E&E	-	161.370.606.852
Trang trại bò sữa Nhơn Tân	4.627.478.541	4.175.106.283
XDCB Trang trại bò sữa Nghệ An	19.150.998.505	11.659.819.710
Xây kho NM Hà Nội	36.791.156.178	952.591.287
Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội	17.650.828.933	8.518.121.706
Dự án mở rộng NM Tiên Sơn	38.761.718.962	-
VNM Tower - Phần xây dựng và chi phí DA	62.090.070.815	-
Tòa nhà văn phòng CNCT	38.271.233.375	36.659.360.000
Máy phân tích sữa nhanh cho NM Sữa Trường Thọ, Sài Gòn & Hà Nội	-	5.415.393.750
Máy dán nắp nhôm	-	19.978.971.328
Lắp đặt máy móc thiết bị - NM sữa Tiên Sơn	-	18.944.930.021
26 xe tải nhẹ CN Hà Nội	-	3.649.904.778
XDCB NM sữa Đà Nẵng	235.727.273	4.884.206.645
Hệ thống xử lý nước cấp 80m3/h - Dự án Tiên Sơn	-	4.353.286.809
Các công trình khác	28.315.502.929	32.762.094.305

14. Bất động sản đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quyền sử dụng đất 1.409,72m ² tại Phường Hòa Cường, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng	27.489.150.000	27.489.150.000
Cộng	<u>27.489.150.000</u>	<u>27.489.150.000</u>

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.492.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
Cộng			<u>23.701.955.551</u>

16. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	368.654.053.440	390.915.313.800
- Đầu tư trái phiếu	200.000.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	256.459.500.000	-
- Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	152.800.000.000
Cộng	<u>947.913.553.440</u>	<u>546.955.313.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(74.730.804.242)	-
- Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>(74.730.804.242)</u>	<u>-</u>

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	193.914.048.807	-	-	3.915.499.718	189.998.549.089
- CP tù đông tù mát	-	4.986.321.728	-	3.547.713.086	1.438.608.642
- CP trả trước dài hạn khác	1.598.280.191	2.677.506.729	143.858.527	2.463.216.167	1.668.712.226
Cộng	<u>195.512.328.998</u>	<u>7.663.828.457</u>	<u>143.858.527</u>	<u>9.926.428.971</u>	<u>193.105.869.957</u>

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	69.706.544.840	178.258.500.000
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	<u>79.669.980.840</u>	<u>188.221.936.000</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	279.705.663.345	215.109.536.396
- Nhà cung cấp nước ngoài	112.179.223.281	267.809.425.037
- Nhà phân phối	4.784.042.541	9.637.044.746
Cộng	<u>396.668.929.167</u>	<u>492.556.006.179</u>

21. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.781.533.734	369.881.384.006	332.351.681.593	44.311.236.147
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087.266.692	162.795.768.350	159.344.878.980	9.538.156.062
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.341.093.579	71.615.995.912	68.569.156.194	5.387.933.297
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.526.596.060	265.681.473.879	59.139.839.859	242.068.230.080

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế thu nhập cá nhân	13.180.248.504	4.150.104.564	14.985.891.751	2.344.461.317
- Thuế tài nguyên	6.412.620	105.207.670	100.795.850	10.824.440
- Thuế nhà đất	-	83.310.984	83.310.984	-
- Tiền thuê đất	-	1.139.700.187	1.081.319.437	58.380.750
- Các loại thuế khác	264.400.641	3.237.327.985	3.501.728.626	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	267.511.903	267.511.903	-
Cộng	64.187.551.830	878.957.785.440	639.426.115.177	303.719.222.093

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, thưởng bán hàng cho khách hàng	117.763.454.975	106.701.087.846
- Chi phí quảng cáo	41.885.508.878	21.470.581.127
- Chi phí vận chuyển	13.935.123.336	5.139.294.140
- Chi phí xuất khẩu	147.700.028	45.346.969
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	7.151.640.828	1.531.249.695
- Chi phí phải trả khác	9.367.646.921	9.164.781.918
Cộng	190.251.074.966	144.052.341.695

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	505.622.510	1.454.500
- Kinh phí công đoàn	36.277.111	514.740.885
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.626.400.000	6.247.400.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	6.662.609.803	10.267.609.757
- Phải trả cho cổ đông góp vốn mua cổ phiếu đầu tư	20.406.760.000	23.016.600.000
- Thuế Nhập khẩu phải trả (Sx hàng Xuất khẩu)	10.205.900.583	15.906.265.295
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.129.643.765	18.510.249.575
Cộng	60.573.213.772	74.464.320.012

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	14.945.154.000	22.417.731.000
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	14.945.154.000	22.417.731.000

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
Trên 1 năm đến 5 năm	14.945.154.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u><u>24.908.590.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

25. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quý	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	744.541.696.836	136.312.134.839	91.622.417.265	525.757.147.704	4.315.938.147.821
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.250.119.487.702	1.250.119.487.702
- Trích lập các quỹ	-	-	-	125.155.330.786	38.963.535.161	125.155.330.786	(289.274.196.733)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	3.783.738.872	9.820.154	3.793.559.026
- Cổ tức	-	-	-	-	-	2.841.760.000	(683.575.113.000)	(680.733.353.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(127.205.195.784)	-	(127.205.195.784)
Số dư đầu năm nay	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	869.697.027.622	175.275.670.000	96.198.051.139	803.037.145.827	4.761.912.645.765
- Tăng vốn trong kỳ	1.759.896.300.000	(1.064.948.051.177)	-	-	-	-	(691.301.848.823)	3.646.400.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.775.370.152.058	1.775.370.152.058
- Trích lập các quỹ	-	-	-	789.546.242.669	12.217.454.438	177.540.790.429	(979.304.487.536)	-
- Tăng khác	-	-	(154.222.000)	-	-	4.514.000	-	(149.708.000)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(351.280.620.000)	(351.280.620.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(95.007.679.644)	-	(95.007.679.644)
Số dư cuối kỳ này	3.512.653.000.000	-	(154.222.000)	1.659.243.270.291	187.493.124.438	178.735.675.924	556.520.341.526	6.094.491.190.179

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ(*)</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	1.672.022.828.000	47,60%	834.312.189.200	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	1.506.928.137.000	42,90%	781.378.936.860	44,58%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	333.702.035.000	9,50%	137.065.573.940	7,82%
- Thặng dư vốn cổ phần	-		1.064.948.051.177	
- Cổ phiếu quỹ	(154.222.000)		-	
Cộng	<u>3.512.498.778.000</u>		<u>2.817.704.751.177</u>	

(*) Theo nguồn Bản tin thị trường chứng khoán ngày 01/10/2009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	7.892.197.999.128	6.088.696.004.574
• Doanh thu bán hàng hóa	58.122.995.915	63.070.456.344
• Doanh thu bán thành phẩm	7.820.676.832.507	6.018.322.921.084
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.398.170.706	7.302.627.146
Các khoản giảm trừ doanh thu:	150.717.960.040	131.963.591.646
• Chiết khấu thương mại	143.526.397.770	107.058.469.133
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	7.191.562.270	24.905.122.513
Doanh thu thuần	<u>7.741.480.039.088</u>	<u>5.956.732.412.928</u>
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	7.728.081.868.382	5.949.429.785.782
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	13.398.170.706	7.302.627.146

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	42.834.547.505	50.618.352.215
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	4.855.315.746.386	3.960.575.331.625
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.446.312.876	1.122.996.219
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	569.369.304	399.267.203
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	23.513.318.232	10.295.599.463
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	317.355.447	(5.526.230.572)
Cộng	<u>4.924.996.649.750</u>	<u>4.017.485.316.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	56.786.154.972	35.423.391.855
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.751.484.481	2.651.196.424
- Lãi trái phiếu	3.292.824.087	2.000.240.000
- Lãi tiền cho vay	8.286.793	100.870.420
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.598.804.850	19.183.900.969
- Cổ phiếu thưởng	1.665.730.000	5.205.360.000
- Lãi đầu tư chứng khoán	10.970.972.562	119.553.118.562
- Lãi chênh lệch tỷ giá	87.025.374.910	32.656.561.580
- Khác	155.187.469.531	102.439.561
Cộng	326.287.102.186	216.877.079.371

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi vay ngân hàng	1.272.349.282	20.194.682.400
- Lãi vay các tổ chức khác, lãi ký quỹ	1.996.274.926	3.483.944.641
- Lỗ đầu tư chứng khoán	-	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	72.644.466	515.420.758
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	97.253.541.562	35.008.658.322
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(42.601.803.978)	79.446.086.478
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	74.730.804.241	37.443.436.000
- Khác	-	-
Cộng	132.723.810.499	176.092.228.599

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.971.057.525	3.181.623.673
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	26.497.199.986	39.331.032.670
- Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản	-	-
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.753.215.526	2.857.063.078
- Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	42.868.085.310	47.941.656.448
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	-
- Thu được từ các khoản thuế được hoàn	213.077.335	2.563.143.600
- Thu nhập từ việc hoàn nhập CP trích trước của năm trước không sử dụng hết	392.660.407	49.596.315
- Thu nhập khác	4.576.701.654	1.153.129.273
Cộng	83.271.997.743	97.077.245.057

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

6. Chi phí khác

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> <u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	5.315.926.026	1.812.281.909
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.195.454	738.494.450
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	175.141.678	934.013.555
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	-	423.241.099
- Thuế bị phạt, bị truy thu	118.561.476	-
- Chi phí khác	4.011.634.046	1.186.551.371
Cộng	<u>9.623.458.680</u>	<u>5.094.582.384</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> <u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.775.370.152.065	1.021.538.684.618
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.775.370.152.065	1.021.538.684.618
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.425.030	175.275.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>10.120</u>	<u>5.828</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> <u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 6 năm 2009	150.931	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 03 tháng 9 năm 2009	(1.571)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		175.425.030	175.275.670
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố			

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		4.751.474.728.689	4.135.230.452.771
- Chi phí nhân công		336.660.750.283	272.188.563.396
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		168.625.605.348	124.863.096.931
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		253.658.508.827	185.884.512.965
- Chi phí khác		687.092.787.489	622.172.950.886
Cộng		6.197.512.380.636	5.340.339.576.949

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		4.728.917.527.224	4.110.373.722.629
- Chi phí nhân công		182.193.900.213	156.961.604.635
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		125.074.471.050	98.265.284.695
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		81.808.558.518	64.762.847.589
- Chi phí khác		15.334.528.620	10.306.075.345
Cộng		5.133.328.985.625	4.440.669.534.893

Chi phí bán hàng

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên		95.295.054.053	62.429.199.442
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		17.653.429.844	21.027.306.067
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng		11.442.163.444	8.312.489.299
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		15.268.372.727	4.626.579.400
- Chi phí bảo hành		3.737.955.300	475.566.392
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		110.246.278.080	72.221.571.141
- Chi phí khác bằng tiền		608.667.337.497	553.690.681.259
Cộng		862.310.590.945	722.783.393.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	59.171.796.017	52.797.759.319
- Chi phí vật liệu quản lý	4.903.771.621	3.829.424.075
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.382.024.217	8.507.650.529
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.282.761.571	21.971.232.836
- Thuế, phí, lệ phí	2.360.632.372	1.967.715.556
- Chi phí dự phòng	132.678.000	3.907.591.945
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.603.672.229	48.900.094.235
- Chi phí khác bằng tiền	42.035.468.039	35.005.180.561
Cộng	201.872.804.066	176.886.649.056

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các quyền lợi gộp khác	23.619.628.064	27.527.785.000

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý III năm 2009		Lũy kế 9 tháng đầu năm 2009	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.720.155.049.786	334.236.585.197	7.000.444.533.874	891.753.465.254
2. Các khoản giảm trừ	56.738.499.992	-	150.717.960.040	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	2.663.416.549.794	334.236.585.197	6.849.726.573.834	891.753.465.254
4. Giá vốn hàng bán	1.626.035.457.116	230.968.580.217	4.298.745.039.752	626.251.609.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	1.037.381.092.678	103.268.004.980	2.550.981.534.082	265.501.855.256

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

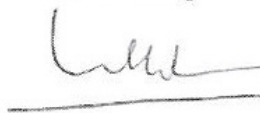
CHỈ TIÊU	Quý III năm 2008		Lũy kế 9 tháng đầu năm 2008	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.058.594.412.523	111.682.359.173	5.373.760.842.532	714.935.162.042
2. Các khoản giảm trừ	55.588.368.801	-	131.963.591.646	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	2.003.006.043.722	111.682.359.173	5.241.797.250.886	714.935.162.042
4. Giá vốn hàng bán	1.342.037.379.838	82.538.631.115	3.489.764.563.014	527.720.753.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	660.968.663.884	29.143.728.058	1.752.032.687.872	187.214.408.903

Người lập



Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm



Lập ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên